



HAI MINH

HAI MINH CORPORATION

C.TY CỔ PHẦN HẢI MINH

561A Điện Biên Phủ - P.25 - Q.Bình Thạnh – TP.HCM

Tel: 08.3512 8668

Fax: 08.3512 8688

haiminhgroup@vnn.vn

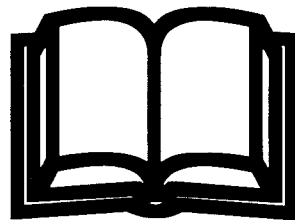
www.haiminh.com.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT

QUÍ 2 NĂM 2016

(MÃ CK : HMH)



Tp. HCM ngày 27 tháng 07 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 561 A - Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU B01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/6/2016	Số dư 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		93.648.291.078	90.624.778.397
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	36.270.269.510	52.599.242.118
1. Tiền	111		15.270.269.510	14.516.205.451
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.000.000.000	38.083.036.667
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000	1.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	200.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.350.767.331	31.810.807.855
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	37.067.288.380	22.901.838.159
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.739.690.295	899.400.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	11.626.119.654	8.009.569.696
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(82.330.998)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	720.000.963	409.147.190
Hàng tồn kho	141		720.000.963	409.147.190
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.107.253.274	4.805.581.234
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6.a	2.528.624.068	1.566.585.917
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.044.279.137	2.365.537.735
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		534.350.069	873.457.582
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		187.101.236.474	178.625.123.512
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.497.088.000	997.088.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.497.088.000	997.088.000
II. Tài sản cố định	220		102.357.078.075	106.824.915.628
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	100.474.469.088	105.105.954.977
Nguyên giá	222		160.826.498.423	160.708.277.567
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.352.029.335)	(55.602.322.590)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.882.608.987	1.718.960.651
Nguyên giá	228		1.893.987.237	1.721.291.237
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.378.250)	(2.330.586)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		29.672.056.014	22.823.947.544
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	29.672.056.014	22.823.947.544
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		46.781.758.710	42.109.776.064
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.10	40.981.758.710	36.309.776.064
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10	5.800.000.000	5.800.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.793.255.675	5.869.396.276
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	6.292.889.892	5.078.595.528
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		129.151.341	48.371.866
3. Lợi thế thương mại	268		371.214.442	742.428.882
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		280.749.527.552	269.249.901.909

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 561 A - Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/6/2016	Số dư 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.268.662.703	13.319.321.096
I. Nợ ngắn hạn	310		22.002.841.650	13.015.300.043
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	16.442.479.744	6.455.117.554
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.384.817.595	3.257.456.828
3. Phải trả người lao động	314		1.265.864.461	1.571.894.499
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		398.511.227	181.973.943
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	531.029.569	1.085.005.415
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	1.980.139.054	463.851.804
II. Nợ dài hạn	330		265.821.053	304.021.053
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	168.068.000	198.068.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		97.753.053	105.953.053
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		258.480.864.849	255.930.580.813
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	258.480.864.849	255.930.580.813
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131.998.470.000</i>	<i>131.998.470.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.840.984.271	5.860.984.271
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.746.260.664	6.746.260.664
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		112.155.012.756	109.777.973.675
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>91.142.909.964</i>	<i>109.777.973.675</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>21.012.102.792</i>	<i>-</i>
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.740.137.158	1.546.892.203
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		280.749.527.552	269.249.901.909

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2016



NGUYỄN THÈ HƯNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 561 A - Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

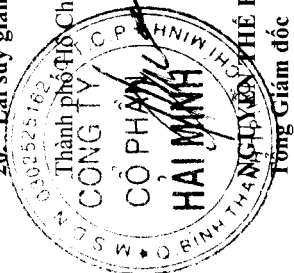
Quý II năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

(Có so sánh với số liệu Quý II năm 2015)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm 2016		Quý II năm 2015		6 tháng đầu năm 2016		6 tháng đầu năm 2015	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	24.550.642.513	36.629.245.514	50.407.459.779	69.019.486.876				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.510.000		3.510.000					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	24.547.132.513	36.629.245.514	50.403.949.779	69.019.486.876				
4. Giá vốn hàng bán	11		18.890.608.873	29.197.765.506	38.920.399.623	55.345.591.617				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	VI.3	5.656.523.640	7.431.480.008	11.483.550.156	13.673.895.259				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.230.387.356	862.523.232	1.511.942.654	945.985.670				
7. Chi phí tài chính	22		38.508.893	96.479.997	51.864.564	122.269.493				
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23									
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.001.521.927	3.657.004.758	4.671.982.646	7.327.246.875				
9. Chi phí bán hàng	25									
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.577.185.359	2.266.410.675	5.044.027.706	4.480.212.740				
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.272.738.671	9.588.117.326	12.571.583.186	17.344.645.571				
12. Thu nhập khác	31		2.048.000.000	289.978.883	2.468.000.000	289.978.883				
13. Chi phí khác	32		1.496.677.494	9.635.494	1.637.939.567	9.635.494				
14. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.6	551.322.506	280.343.389	830.060.433	280.343.389				
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.824.061.177	9.868.460.715	13.401.643.619	17.624.988.960				
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		752.511.395	1.241.704.750	1.659.493.478	2.225.705.470				
17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-		(84.234.608)					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.071.549.782	8.626.755.965	11.826.384.749	15.399.283.490				
Trong đó:										
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		6.034.017.572	8.600.629.689	11.755.663.013	15.335.776.361				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		37.532.210	26.126.276	70.721.736	62.304.160				
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	434,27	1.131,52	846,06	1.131,52				
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	434,27	1.131,52	846,06	1.131,52				



Handwritten signature of Nguyễn Thế Hùng.

NGUYỄN THẾ HUNG
Kế toán trưởng

Handwritten signature of Nguyễn Thành Văn.

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2016

MẪU B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13,401,643,619	17,624,988,960
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6,435,947,124	6,303,452,201
- Các khoản dự phòng	03		82,330,998	-
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(63,211,319)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(6,222,289,189)	(1,060,787,673)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13,697,632,552	22,804,442,169
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		(19,171,489,398)	2,458,954,296
- Tăng hàng tồn kho	10		(310,853,773)	197,346,735
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6,292,221,039	(3,148,192,443)
- Tăng chi phí trả trước	12		(2,176,332,515)	(1,020,520,064)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(200,219,178)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2,914,300,215)	(1,821,735,984)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(1,368,474,167)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4,583,122,310)	17,901,601,364
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10,398,900,453)	(9,268,609,416)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2,468,000,000	90,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(8,150,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5,447,682,273
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(200,000,000)	(7,200,000,000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1,000,000,000	1,800,000,000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		664,988,955	934,104,814
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6,465,911,498)	(16,346,822,329)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	186,359,755
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5,279,938,800)	(6,958,920,830)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5,279,938,800)	(6,772,561,075)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(16,328,972,608)	(5,217,782,400)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		52,599,242,118	25,532,790,026
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	63,211,319
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		36,270,269,510	20,378,219,305
			0	



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 7 năm 2016

NGUYỄN THẾ HUNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

MẪU B 09a-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2016 của Công ty Cổ phần Hải Minh (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại - Dịch vụ

3. **Ngành, nghề kinh doanh** :

Sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. **Cấu trúc của Công ty**

Công ty có các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ Tiếp vận	96,08%	96,08%
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Dịch vụ Tiếp vận	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00%	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	Hải Phòng		gián tiếp)	

Công ty có công ty liên kết tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Ngành, nghề kinh doanh chủ yếu	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Dịch vụ Tiếp vận	25,00%	25,00%
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Minh	Số 1, Đường Đinh Hải Lễ, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ Tiếp vận	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	21/4 Liên Phường, Phường Phú Hữu, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ Tiếp vận	40,00%	40,00%

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 176 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 174 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II thuộc kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, đây là kỳ kế toán thứ 15 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Áp dụng hướng dẫn Chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Các Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 trở đi. Thông tư 200 thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần III - Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng các Thông tư nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2016.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho Quý I năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn và dự phòng phải trả ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Phải thu bảo hiểm; phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày lập Báo cáo. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo do giá trị hàng tồn kho dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời,...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho của Công ty. Tăng và giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc thiết bị	3 - 12

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản khác	5 - 10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất; đối với những lô đất không xác định thời hạn, lâu dài Công ty không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo.

Chi phí mua sắm tài sản cố định

Chi phí mua sắm tài sản cố định phản ánh giá mua và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt, chạy thử,... tài sản trước khi đưa vào sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng và chi phí lãi vay liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm lập Báo cáo.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Chi phí trả trước dài hạn” để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện chi phí Công cụ dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Các chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.

13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.
- Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi ngân hàng

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành thêm trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số dư 30/6/2016	Số dư 01/01/2016
Tiền mặt	1.415.377.247	1.855.176.357
Tiền gửi ngân hàng	13.854.892.263	12.661.029.094
Các khoản tương đương tiền	21.000.000.000	38.083.036.667
Cộng	36.270.269.510	52.599.242.118

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**Ngắn hạn**

Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	200.000.000	1.000.000.000
Cộng	200.000.000	1.000.000.000

3. Phải thu của khách hàng

CN Công ty TNHH "K" Line Tại Tp HCM	5.644.214.388	2.761.104.961
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	3.081.821.368	1.206.996.872
Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	2.567.486.859	2.567.486.859
Công ty Ô Tô Toyota Việt Nam	1.526.119.093	1.098.841.806
Công ty TNHH Tiếp Vận Việt Tín	367.319.000	206.877.000
Các khách hàng khác	23.880.327.672	15.060.530.661
Cộng (*)	37.067.288.380	22.901.838.159
(*) Phải thu bên liên quan	11.293.522.615	6.535.588.692

4. Phải thu khác

	Số dư 30/6/2016		Số dư 01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	11.626.119.654		8.009.569.696	
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	6.352.378.277		6.352.378.277	
Tạm ứng nhân viên	569.928.325	-	460.310.659	-
Ký cược, ký quỹ	450.000.000		-	-
Lãi dự thu	140.054.795		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.113.758.257		1.196.880.760	
b) Phải thu dài hạn khác	1.497.088.000	-	997.088.000	-
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	1.100.000.000	-	100.000.000	-
Ký quỹ làm đại lý tiêu thụ	-		500.000.000	
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	397.088.000	-	397.088.000	-
Cộng	13.123.207.654		9.006.657.696	-
(*) Phải thu khác bên liên quan				
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	6.352.378.277		6.352.378.277	

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Hàng tồn kho**

	Số dư 30/6/2016	Số dư 01/01/2016
Nguyên liệu, vật liệu	91.367.554	-
Công cụ, dụng cụ	17.912.000	-
Hàng hóa	610.721.409	409.147.190
Cộng	720.000.963	409.147.190
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	720.000.963	409.147.190

6. Chi phí trả trước**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

Công cụ dụng cụ	165.789.246	58.445.495
Phí sửa chữa	350.518.374	364.090.820
Chi phí khác	2.012.316.448	1.144.049.602

b) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí văn phòng	652.989.582	771.434.388
Công cụ dụng cụ	3.425.761.798	2.834.681.572
Phí sửa chữa	889.769.380	982.494.346
Chi phí khác	1.324.369.132	489.985.222

Cộng	8.821.513.960	6.645.181.445
-------------	----------------------	----------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tài	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2016	76.808.507.516	411.805.821	75.585.172.314	3.808.663.643	4.094.128.273	160.708.277.567
Tăng trong kỳ	-	-	3.371.199.636	-	-	3.371.199.636
Giảm trong kỳ	-	-	3.252.978.780	-	-	3.252.978.780
Số dư 30/06/2016	76.808.507.516	411.805.821	75.703.393.170	3.808.663.643	4.094.128.273	160.826.498.423
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2016	19.689.106.388	65.311.728	33.245.793.044	1.142.773.144	1.459.338.286	55.602.322.590
Tăng trong kỳ	1.791.411.216	49.961.956	4.052.616.531	180.029.567	352.880.190	6.426.899.460
Giảm trong kỳ	-	-	1.677.192.715	-	-	1.677.192.715
Số dư 30/06/2016	21.480.517.604	115.273.684	35.621.216.860	1.322.802.711	1.812.218.476	60.352.029.335
Giá trị còn lại						
Số dư 01/01/2016	57.119.401.128	346.494.093	42.339.379.270	2.665.890.499	2.634.789.987	105.105.954.977
Số dư 30/06/2016	55.327.989.912	296.532.137	40.082.176.310	2.485.860.932	2.281.909.797	100.474.469.088
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại 01/01/2016	-	-	12.971.178.821	493.860.149	-	13.465.038.970
Tại 30/06/2016	-	-	16.164.423.859	530.223.785	-	16.694.647.644

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Số 1 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng

	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2016	1.721.291.237	1.721.291.237
Tăng trong kỳ	172.696.000	172.696.000
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư 30/06/2016	1.893.987.237	1.893.987.237
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2016	2.330.586	2.330.586
Tăng trong kỳ	9.047.664	9.047.664
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư 30/06/2016	11.378.250	11.378.250
Giá trị còn lại		
Số dư 01/01/2016	1.718.960.651	1.718.960.651
Số dư 30/06/2016	1.882.608.987	1.882.608.987

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số dư 30/6/2016	Số dư 01/01/2016
Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau Cảng	29.672.056.014	22.461.947.544
Các công trình khác	-	362.000.000
Cộng	29.672.056.014	22.823.947.544

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Chỉ tiêu	Số dư 30/6/2016			Số dư 01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	32.686.997.832		32.686.997.832	27.507.087.089	-	27.507.087.089
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	9.369.909.982		9.369.909.982	8.701.221.199	-	8.701.221.199
Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	(1.075.149.104)		(1.075.149.104)	101.467.776	-	101.467.776
Cộng	40.981.758.710		40.981.758.710	36.309.776.064	-	36.309.776.064
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An	5.800.000.000	-	5.800.000.000	5.800.000.000	-	5.800.000.000
Cộng	5.800.000.000	-	5.800.000.000	5.800.000.000	-	5.800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Thông tin chi tiết về đầu tư vào công ty liên kết:*

<i>Giá trị đầu tư</i>	Công ty TNHH			Cộng
	Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	
Tại ngày 01/01/2016	18.175.783.651	7.069.435.800	800.000.000	26.045.219.451
Tại ngày 30/06/2016	18.175.783.651	7.069.435.800	800.000.000	26.045.219.451
<i>Phần lãi (lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư</i>				
Tại ngày 01/01/2016	9.331.303.438	1.631.785.399	(698.532.224)	10.264.556.613
Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	5.179.910.743	668.688.783	(1.176.616.880)	4.671.982.646
Cổ tức nhận được trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2016	14.511.214.181	2.300.474.182	(1.875.149.104)	14.936.539.259
<i>Giá trị còn lại</i>				
Tại ngày 01/01/2016	27.507.087.089	8.701.221.199	101.467.776	36.309.776.064
Tại ngày 30/6/2016	32.686.997.832	9.369.909.982	(1.075.149.104)	40.981.758.710

11. Phải trả người bán

	Số dư 30/6/2016		Số dư 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	17.240.000	17.240.000	17.240.000	17.240.000
Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.199.135.920	1.199.135.920	1.977.928.060	1.977.928.060
Công ty Hoa Tiêu Tân Cảng	-	-	536.618.487	536.618.487
SAMUDERA SHIPPING LINE LTD.	9.663.266.273	9.663.266.273		
Khách hàng khác	5.562.837.551	5.562.837.551	3.923.331.007	3.923.331.007
Cộng	16.442.479.744	16.442.479.744	6.455.117.554	6.455.117.554
Phải trả người bán bên liên quan	17.240.000		17.240.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiêu	Số dư 01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 30/6/2016
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	3.920.205	3.481.606.874	3.540.082.660	(54.555.581)
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu	(797.927.696)	1.864.568.178	1.371.764.460	(305.123.978)
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp	801.847.901	1.617.038.696	2.168.318.200	250.568.397
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.715.309.076	1.659.493.478	2.914.300.215	460.502.339
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu	492.679.607	363.191.020	904.359.499	(48.488.872)
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp	80.595.412	678.283.235	527.893.159	230.985.488
Thuế thu nhập cá nhân	146.309.130	510.688.147	391.754.062	265.243.215
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải thu	(75.529.886)	-	68.547.833	(144.077.719)
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp	221.839.016	510.688.147	323.206.229	409.320.934
Các loại thuế khác	518.460.835	1.175.501.043	1.514.684.325	179.277.553
Thuế môn bài	-	11.000.000	14.000.000	(3.000.000)
Thuế đất	-	-	18.297.000	(18.297.000)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	518.460.835	1.164.501.043	1.482.387.325	200.574.553
<i>Thuế phải nộp</i>	296.817.835	967.495.543	1.048.376.325	215.937.053
<i>Thuế phải thu</i>	221.643.000	197.005.500	434.011.000	(15.362.500)
Cộng	2.383.999.246	6.827.289.542	8.360.821.262	850.467.526

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	873.457.582	534.350.069
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>3.257.456.828</u>	<u>1.384.817.595</u>

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng :

+ Dịch vụ trong nước : 10%

+ Dịch vụ cước vận tải quốc tế : 0%

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.7

- Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo các quy định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Phải trả khác**

	<u>Số dư 30/6/2016</u>	<u>Số dư 01/01/2016</u>
a) Phải trả ngắn hạn khác	531.029.569	1.085.005.415
Kinh phí công đoàn	101.541.480	90.118.730
BHXX	-	-
BHYT	-	-
BHTN	-	-
Cổ tức đợt 1 năm 2015 phải trả	-	2.463.920
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	55.000.000	20.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	374.488.089	972.422.765
b) Phải trả dài hạn khác	168.068.000	198.068.000
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh – Ký quỹ thuê văn phòng	140.000.000	140.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng và Môi trường Ngọc Anh - Nhận ký quỹ dài hạn	-	30.000.000
Tài xê - Nhận ký quỹ dài hạn	28.068.000	28.068.000
Cộng(*)	<u>699.097.569</u>	<u>1.283.073.415</u>
 (*) Phải trả ngắn hạn khác là bên liên quan		
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	<u>140.000.000</u>	<u>140.000.000</u>

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích lập các quỹ từ lợi nhuận</u>	<u>Sử dụng các quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	138.225.132	2.848.975.171	(1.465.175.714)	1.522.024.589
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	325.626.672	1.663.939.765	(1.531.451.972)	458.114.465
Cộng	<u>463.851.804</u>	<u>4.512.914.936</u>	<u>(2.996.627.686)</u>	<u>1.980.139.054</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu**Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong kỳ và năm trước**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư 01/01/2015	100,000,000,000	2,959,478,445	(694,034,275)	7,479,128,591	107,220,552,832	1,147,640,025	218,112,765,618
Tăng vốn	31.998.470.000	2.779.741.555	-	(733.424.655)	(11.305.566.900)	276.729.009	23.015.949.009
Lợi nhuận năm 2015	-	-	-	-	33.155.115.404	123.079.897	33.278.195.301
Bán cổ phiếu quỹ	-	(44.273.318)	673.712.109	-	-	-	629.438.791
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(4.056.477.822)	-	(4.056.477.822)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(15.235.649.839)	-	(15.235.649.839)
Điều chỉnh khác	-	166.037.589	20.322.166	556.728	-	(556.728)	186.359.755
Số 31/12/2015	131.998.470.000	5.860.984.271	-	6.746.260.664	109.777.973.675	1.546.892.203	255.930.580.813
Số dư 01/01/2016	131.998.470.000	5.860.984.271	-	6.746.260.664	109.777.973.675	1.546.892.203	255.930.580.813
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2016	-	-	-	-	11.755.663.013	70.721.736	11.826.384.749
Trích quỹ các quỹ	-	-	-	-	(3.993.413.436)	(12.627.772)	(4.006.041.208)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.279.938.800)	-	(5.279.938.800)
Tăng khác	-	(20.000.000)	-	-	9.172.689	135.150.991	124.323.680
Giảm khác	-	-	-	-	(114.444.385)	-	(114.444.385)
Số dư 30/06/2016	131.998.470.000	5.840.984.271	-	6.746.260.664	112.155.012.756	1.740.137.158	258.480.864.849

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Tại 30/6/2016	Tại 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II năm 2016	Quý II năm 2015	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
a) Tổng doanh thu				
Dịch vụ vận tải	6.152.988.235	19.678.841.084	12.887.300.716	36.960.946.742
Dịch vụ khai thác kho bãi	11.778.022.765	12.254.057.993	25.576.716.211	22.525.564.470
Dịch vụ đại lý container	3.663.103.992	3.390.793.157	6.311.349.054	6.692.411.820
Cho thuê văn phòng	459.855.039		890.038.107	
Doanh thu bán hàng hóa	2.496.672.482	1.305.553.280	4.742.055.691	2.840.563.844
Cộng	24.550.642.513	36.629.245.514	50.407.459.779	69.019.486.876

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ vận tải	6.142.789.824	20.786.466.964	11.817.528.263	36.122.015.089
Giá vốn khai thác kho bãi	8.546.999.443	4.169.205.642	18.694.580.141	12.121.410.203
Giá vốn đại lý container	1.453.559.662	1.239.455.050	3.033.460.912	2.515.202.542
Giá vốn Cho thuê văn phòng	369.309.703		724.897.611	
Giá vốn hàng hóa	2.377.950.241	3.002.637.850	4.649.932.696	4.586.963.783
Cộng	18.890.608.873	29.197.765.506	38.920.399.623	55.345.591.617

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý II năm 2016	Quý II năm 2015	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lãi tiền gửi ngân hàng	505.257.410	161.490.185	664.988.955	220.168.545
Đầu tư khác	548.500.000	550.000.000	548.500.000	550.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	140.054.795		140.054.795	-
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán	36.575.151	151.033.047	158.398.904	175.817.125
Cộng	1.230.387.356	862.523.232	1.511.942.654	945.985.670

4. Chi phí tài chính

Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.595.794	96.479.997	50.951.465	122.269.493
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	913.099	-	913.099	-
Cộng	38.508.893	96.479.997	51.864.564	122.269.493

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	1.396.607.174	1.265.855.018	2.645.213.540	2.285.678.912
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	79.141.284	-	140.320.447	-
Chi phí dụng cụ quản lý	114.363.355	-	206.809.785	-
Chi phí khấu hao	84.427.050	36.102.347	187.861.668	90.136.134
Thuế phí và lệ phí	10.000.264	-	24.295.834	-
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	41.165.499	-	82.330.998	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	571.821.071	509.344.482	1.129.508.438	1.183.257.655
Chi phí bằng tiền khác	279.659.662	455.108.828	627.686.996	921.140.039
Cộng	2.577.185.359	2.266.410.675	5.044.027.706	4.480.212.740

6. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác			-	-
Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.048.000.000	289.978.883	2.468.000.000	289.978.883
Cộng	2.048.000.000	289.978.883	2.468.000.000	289.978.883
Chi phí khác				
Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.489.009.015	-	1.582.682.412	-
Chi phí khác	7.668.479	9.635.494	55.257.155	9.635.494
Cộng	1.496.677.494	9.635.494	1.637.939.567	9.635.494
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	551.322.506	280.343.389	830.060.433	280.343.389

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng 2016	6 tháng 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế	11.755.663.013	15.335.776.361
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(587.783.151)	(4.056.477.822)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.167.879.862	11.279.298.539
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.199.847	9.968.284
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	846,06	1.131,52

8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng 2016	6 tháng 2015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.167.879.862	11.279.298.539
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	11.167.879.862	11.279.298.539
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.199.847	9.968.284
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.199.847	9.968.284
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	846,06	1.131,52

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với bên liên quan

Bên liên quan

Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam)

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Công ty cổ phần Hàng Hải Hưng Phú

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2016

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam)		
Cung cấp dịch vụ	16.955.337	
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Cung cấp dịch vụ	2.660.751.944	1.138.322.249
Công ty cổ phần Hàng Hải Hưng Phú		
Cung cấp dịch vụ	-	1.843.368.183

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

	Số dư 30/6/2016	Số dư 01/01/2016
Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam)		
Phải thu khác	6.352.378.277	6.352.378.277
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		
Phải thu	3.081.821.368	1.206.996.872
Công ty cổ phần Hàng Hải Hưng Phú		
Phải thu	2.031.443.100	2.031.443.100

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
Lương, thưởng và phụ cấp	692.400.000	681.400.000
Cộng	692.400.000	681.400.000

2. Giải trình Chênh lệch Doanh thu và lợi nhuận sau thuế :

Doanh thu quý 2/2016 giảm so với quý 2/2015 nguyên nhân do ảnh hưởng thị trường hàng hóa nội địa 6 tháng đầu năm trong nước giảm mạnh đã ảnh hưởng sụt giảm doanh thu hoạt động vận tải, do vậy lợi nhuận cũng giảm so với cùng kỳ.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cần phải được điều chỉnh và thuyết minh theo quy định của Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.



NGUYỄN THẾ HUNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu